

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Tình**;

Ông **Trịnh Huy Hiếu**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Đức Hiệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Bà **Doãn Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 10/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HS ngày 16/01/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn R**, sinh ngày 01/01/1990 tại xã N, thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khối 1, xã N, thành phố Đà Nẵng; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê X, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1967; bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 người con; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 18/9/2020, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; ngày 03/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng; ngày 05/7/2023, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (*chấp hành xong ngày 22/7/2024*). Nhân thân: Ngày 07/11/2017, bị Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/10/2025, chuyển tạm giam ngày 08/11/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T (*cơ sở N*). Có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê X**, sinh năm 1964. Vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khối 1, xã N, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn R là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng

Nam (cũ), thời hạn quản lý từ ngày 23/7/2024 đến ngày 22/7/2026. Trưa ngày 29/10/2025, R đi bộ trên đoạn đường khu vực cầu ông Bộ thuộc thôn M, xã N, thành phố Đà Nẵng thì gặp một người tên T (*không rõ lai lịch*), R hỏi thì được biết T có bán ma túy đá nên hỏi mua của T 300.000 đồng, T đưa cho R 01 gói ma túy đá. R cất gói ma túy vào trong ví màu đen rồi đi về nhà tại khối phố 1, xã N, thành phố Đà Nẵng. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, R dùng 01 nõ thủy tinh gắn vào nắp nhựa chai nước, dùng ống hút gắn vào nắp nhựa, bỏ ma túy đá vào trong nõ, sau đó dùng bật lửa đốt lên rồi dùng miệng hút. Khi R đang sử dụng ma túy thì nõ thủy tinh bị bể nên R vứt bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá ra đường và dùng bật lửa hàn kín gói ma túy còn lại cất vào trong ví.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/10/2025, Công an xã N tiến hành mời R về cơ quan để thực hiện công tác quản lý đối với người nghiện ma túy, tiến hành test nhanh phát hiện trong mẫu nước tiểu của R dương tính với loại ma túy Methamphetamin nên tiến hành tạm giữ đối với R. Thu giữ trong ví của R 01 đoạn ống nhựa màu trắng trong suốt, được hàn kín các cạnh, kích thước 2x1,2cm bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 ví màu đen và mẫu nước tiểu của R để gửi đi giám định. Tại Kết luận giám định số 1243/KL-KTHS ngày 06/11/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Trong mẫu nước tiểu gửi đi giám định có chứa chất ma túy, loại Methamphetamin. Chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng 0,075 gam.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKSKV5 ngày 08/01/2026 đã truy tố bị cáo Lê Văn R về tội: “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, điểm, khoản, điều luật đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn R từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng theo như nội dung Cáo trạng đã đề cập.

Bị cáo Lê Văn R khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê X, Trần Thị Kim L; xét việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn R thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ được thu thập chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lê Văn R là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ), thời hạn quản lý từ ngày 23/7/2024 đến ngày 22/7/2026. Do nảy sinh nhu cầu sử dụng ma túy nên ngày 29/10/2025, R đã tìm mua và có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Methamphetamine tại nhà riêng ở khối 1, xã N, thành phố Đà Nẵng. Hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Lê Văn R đã cấu thành tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025*) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo nhận thức được việc sử dụng trái phép chất ma túy khi đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật phòng, chống ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng và nguy hiểm như hiện nay.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn R đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo chưa có tiền án nhưng có nhân thân xấu, có 03 tiền sự liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Những tình tiết này được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0357506292 thu giữ của Lê Văn R, qua điều tra xác định điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho R nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 ví màu đen qua điều tra xác định là của ông Lê X (*cha ruột R*) cho R mượn để sử dụng, ông X không biết R dùng ví để tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông X là đúng quy định.

- Đối với toàn bộ vỏ bao gói, vật dụng chứa, đựng mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS2A 068012, bên ngoài có đóng dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, các chữ viết, ký ghi họ tên: Lê Hoàng V và Lê Tấn C là vật cầm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi cất giữ 0,075 gam Methamphetamine của R không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy; R chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” hoặc bị kết án về một trong

các tội quy định tại các điều 248, 249, 250, 251, 252, 256a của Bộ luật hình sự mà chưa được xóa án tích, do vậy hành vi trên của R không đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Công an xã N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với R số tiền 3.500.000 đồng là đúng quy định.

- Đối với đối tượng tên T đã bán ma túy cho R, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

- Đối với bộ dụng cụ R dùng để sử dụng chất ma túy, R khai đã vứt ngoài đường, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn R phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn R phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025*).

Xử phạt bị cáo Lê Văn R **30 (ba mươi) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 30/10/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy toàn bộ vỏ bao gói, vật dụng chứa, đựng mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS2A 068012, bên ngoài có đóng dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, các chữ viết, ký ghi họ tên: Lê Hoàng V và Lê Tấn C.

(*Vật chứng nêu trên hiện đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Đà Nẵng theo nội dung Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 16/01/2026*).

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Văn R phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 05/02/2026*); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân t/p Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an t/p Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự t/p Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Minh Tân

